

HÓA ĐƠN ĐI CHỢ

Bữa ăn: Sáng - Trưa - Xế (Sáng - Trưa - Phụ - Xế)
Độ tuổi: Mẫu giáo (3 - 6 tuổi)
Số trẻ: 145

Số tiền mỗi trẻ: 37,000

Thực đơn:
Sáng: Hủ tiếu bò kho, cà rốt, khoai tây, sả, nấm đông cô tươi, rau quế, hạt cà ri
- Uống sữa Netsure
Trưa: Cơm trắng
- Thịt heo kho thơm, hành baro
- Canh cải ngọt nấu nghêu, nấm bào ngư, hành lá, ngò rí
- Khô qua tây luộc
Xế: Bánh flan
Xế chiều: Phở nấu tôm tươi, bí ngòi, cải bó xôi, hành tây, ngò gai, hành lá

Stt	Mã hàng	Tên thực phẩm	Khối lượng thực (g)	Đơn giá (đồng/100g)	Thành tiền (đồng)
	* CHỢ				
1	0270	Dầu thảo mộc (Lạc, vừng, cám...)	1,000	6,280	62,800
2	0695	Dầu thực vật Tường An	750	3,140	23,550
3	0494	Đường cát	1,300	3,880	50,440
4	N0966	Muối Iot	800	740	5,920
5	0522	Nước mắm cá (loại đặc biệt)	1,800	4,400	79,200
6	0004	Gạo tẻ máy	7,000	2,560	179,200
7	0120	Hành lá (hành hoa)	450	6,300	28,350
8	0164	Rau mùi (ngò rí)	350	8,820	30,870
9	0119	Hành tím (hành củ tươi)	200	5,780	11,560
10	0185	Tỏi ta	200	7,350	14,700
11	N0861	Dầu màu điều	80	42,900	34,320
12	N0755	Hủ tiếu	2,200	4,290	94,380
13	0089	Cà rốt	600	5,780	34,680
14	0158	Rau húng	150	11,870	17,805
15	0037	Khoai tây	700	3,890	27,230
16	0209	Nấm hương tươi (nấm đông cô)	200	23,100	46,200
17	N0754	Sả cây	150	2,840	4,260
18	0286	Thịt bò loại II	1,400	36,750	514,500
19	0186	Tỏi tây (cà lá)	400	8,610	34,440
20	0226	Khóm (Dứa ta)	2,700	2,940	79,380
21	0300	Thịt ba chỉ (nửa nạc, nửa mỡ)	1,900	21,110	401,090
22	N0770	Thịt nạc dăm	2,200	18,590	408,980
23	0190	Cải ngọt	2,600	4,830	125,580
24	N0778	Nấm bào ngư	400	12,920	51,680
25	0439	Nghêu biển trắng (ngao)	4,000	6,300	252,000

26	0138	Muróp Nhậť (khổ qua Tây)	1,100	3,780	41,580
27	0645	Bánh phở khô	2,100	8,800	184,800
28	0648	Bí ngòi (Bí Nhậť Bản)	700	6,720	47,040
29	N0779	Cải bó xôi	400	8,820	35,280
30	0121	Hành tây	400	3,570	14,280
31	0165	Rau mùi tàu (ngò gai)	150	6,410	9,615
32	0424	Tôm sú	1,600	30,980	495,680
33	0457	Sữa bột toàn phần	6,044.92	20,500	1,239,209
34	N0925	Bánh Flan caramel cao cấp	4,640	14,750	684,400
Tổng chợ					5,364,999

Tổng tiền thực phẩm	5,364,999
Tổng chi phí khác	0
Tiền được chi trong ngày	5,365,000
Số dư đầu ngày	0
Số dư cuối ngày	1
Suất ăn lũy kế từ đầu tháng	0
Tiêu chuẩn lũy kế từ đầu tháng	35,187,000
Tiền chi lũy kế từ đầu tháng	35,186,997

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

CẤP DƯỠNG

KẾ TOÁN

Nguyễn Thị Huỳnh Lê

Nguyễn Thị Mỹ

Ngô Thị Ngọc Lan